

Số: 427/KH-UBND

Đông Triều, ngày 05 tháng 4 năm 2024

KẾ HOẠCH
Thực hiện công tác Dân số năm 2024

Căn cứ Quyết định số 1348/QĐ-SYT ngày 29/12/2023 của Sở Y tế tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2024; Quyết định số 100/QĐ-SYT ngày 19/02/2024 Sở Y tế tỉnh về việc giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực Y tế - Dân số năm 2024; Quyết định số 109/QĐ-SYT ngày 20/02/2024 của Sở Y tế tỉnh về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 - Kinh phí triển khai phương án dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực Y tế - Dân số; Quyết định số 196/QĐ-SYT ngày 22/3/2024 của Sở Y tế tỉnh về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 - Kinh phí triển khai phương án dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực Y tế - Dân số. Theo đề nghị của Trung tâm Y tế thị xã tại Tờ trình số 562/TTr-TTYT ngày 01/4/2024 và thống nhất ý kiến tham gia của các thành viên UBND thị xã (tại Công văn số 125/VP.TH7 ngày 03/4/2024 của Văn phòng HĐND và UBND thị xã); UBND thị xã ban hành Kế hoạch thực hiện công tác dân số năm 2024, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu:

Giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ tác động qua lại với phát triển kinh tế - xã hội. Tăng nhanh về quy mô dân số trên cơ sở điều chỉnh mức sinh phù hợp để duy trì vững chắc mức sinh thay thế, thu hút dân cư đặc biệt là dân cư trong độ tuổi sinh đẻ; nguồn nhân lực có chất lượng cao gắn với việc nâng cao chất lượng dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, không chế độ tăng tỷ số giới tính khi sinh, chủ động tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân cư hợp lý, góp phần thực hiện thành công Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, Nghị quyết đại hội Đảng bộ thị xã lần thứ XXV.

2. Các chỉ tiêu:

2.1. Chỉ tiêu chung toàn thị xã:

- Dân số trung bình: 183.067 người.
- Tỷ suất sinh năm 2024: 13,72%.
- Mức tăng tỷ suất sinh: 2,25%.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1%.
- Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên năm 2024: 5,79%.

- Mức giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên: 1,64%.
- Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ: 95%.
- Tỷ lệ bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh: 99%.
- Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất: 80%.
- Tỷ lệ trẻ em sinh ra được sàng lọc sơ sinh: 93%.
- Tỷ lệ trẻ em sinh ra được tầm soát ít nhất 5 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất: 92%.
- Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn/số kết hôn mới trong năm: 92%.
- Số người mới áp dụng các biện pháp tránh thai hiện đại: 13020 người.

2.2. Chỉ tiêu chi tiết từng xã, phường: Các chỉ tiêu mức giảm tỷ suất sinh, mức giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên, kế hoạch hóa gia đình, sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh, chỉ tiêu chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, tư vấn khám sức khỏe trước khi kết hôn (*có phụ biểu chi tiết kèm theo*).

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp:

- Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025; Kế hoạch số 195-KH/TU ngày 01/6/2018 của Tỉnh ủy Quảng Ninh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Kế hoạch số 195-KH/TU ngày 01/6/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh Quảng Ninh về thực hiện Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã Đông Triều lần thứ XXV, nhiệm kỳ 2020-2025; Kế hoạch số 212.2-KH/TU ngày 19/6/2018 của Thị ủy Đông Triều về triển khai thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Kế hoạch số 203/KH-UBND ngày 02/7/2018 của UBND thị xã về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và các Kế hoạch của UBND thị xã¹.

¹ (1). Kế hoạch số 208/KH-UBND ngày 15/9/2020 về thực hiện Chương trình truyền thông dân số đến năm 2030 thị xã Đông Triều; (2). Kế hoạch số 211/KH-UBND ngày 21/9/2020 về thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp xã, phường, đối tượng đến năm 2030 thị xã Đông

- Xây dựng, thực hiện kế hoạch năm để cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu tại Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 21/9/2020 của UBND thị xã về thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam thị xã Đông Triều giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030; các Kế hoạch khác phù hợp với tình hình địa phương. Thực hiện lồng ghép các yếu tố dân số vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội do đơn vị, địa phương, các ngành chủ trì xây dựng và thực hiện.

- Quan tâm đúng mức đến việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai; đầu tư kinh phí, bố trí cán bộ đủ năng lực để thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ về công tác dân số các cấp, đặc biệt chú trọng tại cấp xã, thôn, khu phố.

- Tiếp tục tăng cường công tác phối hợp liên ngành; phân công nhiệm vụ, thực hiện chế độ phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan, đoàn thể, tổ chức tham gia thực hiện công tác dân số trên địa bàn. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, tổ chức xã hội tham gia giám sát, thực hiện công tác dân số. Kiện toàn, xây dựng quy chế hoạt động, nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ đạo Dân số và Phát triển các cấp; tăng cường phát huy vai trò, trách nhiệm của thành viên Ban Chỉ đạo Dân số và Phát triển các cấp.

- Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, phong trào thi đua về công tác dân số. Lấy kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về dân số là một tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp.

- Đề cao tính tiên phong, trách nhiệm nêu gương của mỗi cán bộ, Đảng viên, đặc biệt là người đứng đầu trong việc thực hiện chính sách dân số, xây dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ, ấm no, hạnh phúc, tạo sự lan tỏa trong toàn xã hội.

- Cung cấp thông tin về dân số và phát triển đến cấp ủy, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể các cấp.

Triều; (3). Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 21/9/2020 về thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam thị xã Đông Triều giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030; (4). Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 01/3/2021 về thực hiện Đề án Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn thị xã Đông Triều giai đoạn 2021-2025 (giai đoạn II); (5). Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 16/6/2021 về thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh thị xã Đông Triều đến năm 2030; (6). Kế hoạch số 158/KH-UBND ngày 28/6/2021 về thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình thị xã Đông Triều đến năm 2030; (7). Kế hoạch số 323/KH-UBND ngày 29/11/2021 về thực hiện Chương trình truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030 trên địa bàn thị xã Đông Triều; (8). Kế hoạch số 207/KH-UBND ngày 18/8/2022 về thực hiện Chiến lược phát triển gia đình vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thị xã giai đoạn 2022-2025; (9). Kế hoạch số 272/KH-UBND ngày 31/10/2022 về thực hiện Đề án kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2022-2025 thị xã Đông Triều (giai đoạn II).

2. Thực hiện các Chương trình, Đề án:

2.1. Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh:

2.1.1. Mục tiêu: Không chế độ tăng tỷ số giới tính khi sinh đưa tỷ số giới tính khi sinh đạt 109 trẻ trai/100 trẻ gái (năm 2023 số trẻ sinh ra là: 1.103 trẻ trai/1.010 trẻ gái).

2.1.2. Hoạt động:

- Kiện toàn và duy trì hoạt động Câu lạc bộ Giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh tại 21/21 xã, phường.

- Bám sát các nội dung tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 23/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016-2025; Kế hoạch số 272/KH-UBND ngày 31/10/2022 của UBND thị xã về thực hiện Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2022-2025 thị xã Đông Triều (giai đoạn II).

- Tổ chức các hoạt động truyền thông về giới và mất cân bằng giới tính khi sinh, ưu tiên lựa chọn địa bàn trọng điểm; tư vấn, vận động nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi về công tác kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh thông qua nhiều hình thức tuyên truyền, qua mạng lưới cộng tác viên thôn, khu phố; tổ chức các buổi truyền thông nhóm nhỏ đạt hiệu quả.

- Thường xuyên, liên tục tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội, tạo dư luận xã hội hưởng ứng công tác kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, phê phán các hành vi lựa chọn giới tính khi sinh.

- Lồng ghép nội dung về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh vào các hoạt động của các ban, ngành, đoàn thể. Phổ biến, giáo dục những quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi.

- Rà soát, bổ sung, xây dựng và triển khai các chính sách khuyến khích, hỗ trợ tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh theo Thông tư số 01/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ Y tế.

- Thực hiện lồng ghép nội dung kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh cho đối tượng học sinh trong nhà trường, trong hương ước, quy ước của các thôn, khu phố.

- Tập huấn cho cán bộ cơ sở về tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh tại địa phương, những nguyên nhân, hệ lụy và các giải pháp kiểm soát tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh; phương pháp và kỹ năng truyền thông trong công tác dân số cho cán bộ cơ sở; phương pháp truyền thông gián tiếp, truyền thông trực tiếp tại xã, phường.

- Sản xuất, phát sóng các chương trình về nghiêm cấm lựa chọn giới tính khi sinh trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2.2. Điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng:

Triển khai có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của cấp trên và Kế hoạch số 211/KH-UBND ngày 21/9/2020 của UBND thị xã về thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các xã, phường, đối tượng đến năm 2030 thị xã Đông Triều. Năm 2024 tập trung thực hiện một số nội dung trọng tâm sau:

- Thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có hai con. Tập trung vận động sinh ít con hơn ở nơi có mức sinh cao, sinh đủ hai con ở nơi có mức sinh thấp và duy trì kết quả ở nơi đã đạt mức sinh thay thế.

- + Đối tượng chủ yếu là nam, nữ thanh niên chưa kết hôn; các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ.

- + Khẩu hiệu: “*Mỗi gia đình, cặp vợ chồng sinh đủ hai con*”.

- Lựa chọn triển khai mô hình đặc thù của địa phương hỗ trợ khuyến khích sinh đủ 2 con:

- + Can thiệp giảm tình trạng kết hôn trước tuổi quy định và kết hôn muộn; nâng cao hiểu biết về tránh thai, tình dục an toàn, kỹ năng sống.

- + Hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ mang thai, sinh con, nhất là người lao động tại khu công nghiệp: Hỗ trợ khám thai, quản lý theo dõi thai sản, giới thiệu tư vấn tiếp cận gói dịch vụ sinh đẻ, dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh.

- Tăng cường các hoạt động phối hợp với các ngành thành viên Ban Chỉ đạo công tác Dân số và Phát triển các cấp, các đơn vị, tổ chức liên quan tổ chức thực hiện các hoạt động về dân số.

2.3. củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình:

2.3.1. Bám sát Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030; xây dựng Kế hoạch tổ chức các hoạt động theo Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 17/6/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, Kế hoạch số 158/KH-UBND ngày 28/6/2021 của UBND thị xã về thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình thị xã Đông Triều đến năm 2030.

2.3.2. Cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình:

- Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình tại các cơ sở y tế theo phân tuyến kỹ thuật trên cơ sở tăng cường tập huấn người làm dịch vụ kế hoạch hóa gia đình về chuyên môn, kỹ thuật, kỹ năng tư vấn và giám sát chất lượng dịch vụ.

- Hỗ trợ người tự nguyện triệt sản: Đối tượng được hỗ trợ theo mục 1.1, Điều 1, Quyết định số 2033/2012/QĐ-UBND ngày 15/8/2012 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

- Tổ chức các loại hình cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình thường xuyên; chiến dịch và khám lưu động tại cộng đồng, chú trọng gói khám phụ khoa, dự phòng vô sinh; đối tượng khó tiếp cận; địa bàn trọng điểm, cụm công nghiệp.

2.4. Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh:

2.4.1. Mục tiêu: Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh nhằm nâng cao chất lượng dân số.

2.4.2. Các hoạt động:

- Bám sát các nội dung tại Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030; Quyết định số 1807/QĐ-BYT ngày 21/4/2020 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật trong sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; Thông tư số 34/2017/TT-BYT ngày 18/8/2017 của Bộ Y tế về việc Hướng dẫn tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; Thông tư số 30/2019/TT-BYT ngày 03/12/2019 của Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2017/TT-BYT; Quyết định số 3845/QĐ-BYT ngày 11/8/2021 của Bộ Y tế về việc ban hành danh mục một số bệnh, tật bẩm sinh được tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh thuộc gói dịch vụ cơ bản; Kế hoạch số 111/KH-UBND ngày 09/6/2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030; Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 16/6/2021 của UBND thị xã về thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh thị xã Đông Triều đến năm 2030.

- Tổng hợp báo cáo số ca sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh gồm tất cả các hình thức miễn phí, tự chi trả hoặc nguồn huy động hợp pháp khác.

- Tổ chức các hoạt động tầm soát, sàng lọc trước sinh và sơ sinh trên phạm vi toàn thị xã.

- Tổ chức tư vấn lồng ghép tại Trạm Y tế các xã, phường nhân ngày tiêm chủng mở rộng; cung cấp cho cộng đồng dân cư các địa chỉ thực hiện dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức hội thảo truyền thông, tư vấn và khám sàng lọc trước sinh và sơ sinh tại các xã, phường.

- Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo định kỳ theo quy định.

2.5 Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

2.5.1 Mục tiêu: Chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi (*người từ đủ 60 tuổi trở lên*) bảo đảm thích ứng với già hóa dân số. Giải quyết toàn diện,

đồng bộ các vấn đề về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi góp phần nâng cao chất lượng dân số, xây dựng thị xã Đông Triều phát triển nhanh, bền vững.

2.5.2 Các hoạt động:

- Địa bàn triển khai: Tiếp tục duy trì tại 21/21 xã, phường.
- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 27/7/2017 của UBND thị xã về việc thực hiện Đề án chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn thị xã Đông Triều giai đoạn 2017-2025; Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 01/4/2021 của UBND thị xã về thực hiện chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn thị xã Đông Triều đến năm 2030.
- Tổ chức tuyên truyền tập trung nhân Ngày Quốc tế người cao tuổi 01/10 tại 21/21 xã, phường; tuyên truyền tại cộng đồng lồng ghép tuyên truyền chính sách dân số, nội dung chăm sóc sức khỏe người cao tuổi vào các hoạt động của Câu lạc bộ liên thế hệ tại các thôn, khu phố thông qua mạng lưới cộng tác viên.
- Tư vấn, hướng dẫn, phổ biến, rèn luyện thân thể, phòng bệnh cho người cao tuổi: Thực hiện theo hướng dẫn chuyên môn tại Thông tư số 35/2011/TT-BYT ngày 15/10/2011 của Bộ Y tế và Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18/10/2018 của Bộ Tài chính.
- Tăng cường các hoạt động truyền thông gián tiếp: Truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, phát thanh trên hệ thống loa phát thanh của xã, phường, qua Zalo, Tiktok...
- Lựa chọn triển khai một số mô hình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi: Trung tâm chăm sóc sức khỏe; xã, phường thân thiện với người cao tuổi; trung tâm dưỡng lão theo hình thức phù hợp; ứng dụng công nghệ thông tin vào dịch vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (mạng xã hội, Internet...).
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi: Đối tượng là người từ đủ 60 tuổi trở lên trên địa bàn xã, phường với tần suất ít nhất 1 lần/người. Nội dung: Thực hiện theo hướng dẫn chuyên môn tại Thông tư số 35/2011/TT-BYT, Thông tư số 14/2013/TT-BYT, Thông tư số 13/2019/TT-BYT của Bộ Y tế; Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18/10/2018 của Bộ Tài chính.
- Lập hồ sơ, cập nhật, quản lý và duy trì hồ sơ sức khỏe của người cao tuổi trên địa bàn thực hiện theo quy định hiện hành.

2.6. Tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân; tư vấn và cung cấp dịch vụ dân số - kế hoạch hóa gia đình cho vị thành niên, thanh niên:

2.6.1. Tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân:

a) *Mục tiêu:* Nâng cao nhận thức và kỹ năng thực hành về chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình thông qua tư vấn và khám sức khỏe cho nam, nữ chuẩn bị kết hôn, đặc biệt là vị thành niên, thanh niên để phát hiện, phòng ngừa và hướng dẫn điều trị các bệnh lý có nguy cơ ảnh hưởng đến sức

khỏe khi kết hôn, mang thai, sinh đẻ, nuôi con bằng sữa mẹ, các nguy cơ sinh con bị bệnh, tật bẩm sinh, góp phần từng bước nâng cao sức khỏe về thể chất, trí tuệ, tinh thần của vị thành niên, thanh niên, nâng cao chất lượng y tế.

b) Các hoạt động:

- Địa bàn triển khai: Tiếp tục duy trì tại 21/21 xã, phường.
- Kiện toàn và duy trì hoạt động của Câu lạc bộ tiền hôn nhân.
- Bố trí các điểm tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân tại Trung tâm Y tế thị xã theo hướng dẫn chuyên môn về Tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân tại Quyết định số 25/QĐ-BYT ngày 07/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế.
- + Tư vấn về tâm sinh lý và sức khỏe trước khi kết hôn: Đối tượng là nam, nữ thanh niên chưa kết hôn, cha mẹ của họ. Nội dung: Thực hiện theo hướng dẫn chuyên môn tại Quyết định số 25/QĐ-BYT ngày 07/01/2011 của Bộ Y tế.
- + Khám sức khỏe trước khi kết hôn: Đối tượng là nam, nữ thanh niên trước khi kết hôn. Nội dung: Thực hiện theo hướng dẫn chuyên môn tại Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013, Thông tư số 13/2019/TT-BYT của Bộ Y tế.
- Tổ chức các hoạt động tư vấn, hướng dẫn tập trung tại các xã, phường, các Câu lạc bộ tiền hôn nhân về nội dung tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân nhân Ngày tránh thai thế giới (26/9) hoặc Ngày Thalassemia thế giới (08/5); tổ chức tư vấn lồng ghép trong Lễ trao giấy đăng ký kết hôn cho các cặp vợ, chồng mới cưới về chính sách dân số. Nội dung thực hiện theo hướng dẫn chuyên môn về Tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân (ban hành theo Quyết định số 25/QĐ-BYT ngày 07/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế).
- Hỗ trợ chi thù lao cho người tư vấn, hỗ trợ tâm lý cho các cặp vợ chồng chuẩn bị kết hôn về khám sức khỏe tiền hôn nhân.
- Giới thiệu chuyển tuyến khi đối tượng có nhu cầu.
- Tổng hợp theo dõi số cặp nam, nữ thực hiện khám sức khỏe trước khi kết hôn/số kết hôn mới trong năm.
- Tổ chức tư vấn cộng đồng thông qua cộng tác viên dân số để tiếp cận, vận động thanh niên thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn.
- Đưa các nội dung tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn vào trong hoạt động của Câu lạc bộ tiền hôn nhân tại cộng đồng, trong buổi sinh hoạt ngoại khóa tại các trường THCS, THPT trên địa bàn thị xã.

2.6.2. Tư vấn và cung cấp dịch vụ dân số - kế hoạch hóa gia đình cho vị thành niên, thanh niên:

a) Mục tiêu: Nâng cao nhận thức về chính sách dân số hiện nay, kiến thức chăm sóc sức khỏe sinh sản và các biện pháp tránh thai cho vị thành niên, thanh niên; tư vấn và cung cấp các dịch vụ dân số - kế hoạch hóa gia đình cho thanh

niên tại các địa bàn có cụm công nghiệp nhằm hạn chế tình trạng mang thai ngoài ý muốn và bệnh lây truyền qua đường tình dục.

b) Các hoạt động:

- Tuyên truyền cho các đối tượng về quy định, chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình; cung cấp kiến thức về chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình; tư vấn về kế hoạch hóa gia đình và các biện pháp tránh thai; tư vấn làm mẹ an toàn và chăm sóc trẻ sơ sinh; tư vấn phòng ngừa có thai ngoài ý muốn và phá thai an toàn; tư vấn về phòng tránh viêm nhiễm đường sinh sản, các bệnh lây truyền qua đường tình dục thường gặp và HIV/AIDS; tư vấn những vấn đề về tình dục an toàn và sức khỏe tình dục, giao lưu với công nhân về các vấn đề sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình đang làm việc tại cụm công nghiệp và các khu công nghiệp ngoài tỉnh.

- Thí điểm hoạt động hỗ trợ nam nữ thanh niên kết bạn, kết hôn, tư vấn khám sức khỏe trước khi kết hôn; khuyến khích nam, nữ kết hôn trong độ tuổi từ 20 đến dưới 30 tuổi, không kết hôn muộn, không tảo hôn; phụ nữ sinh con thứ nhất sau 20 tuổi, con thứ hai trước 35 tuổi.

- Thí điểm thực hiện mô hình hỗ trợ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em tại cụm công nghiệp.

- Trạm Y tế các xã, phường thực hiện lập hồ sơ quản lý sức khỏe, đo chiều cao nam, nữ thanh niên 18 tuổi, tổng hợp kết quả báo cáo về Trung tâm Y tế thị xã.

- Trung tâm Y tế thị xã hướng dẫn cơ sở và tổng hợp số liệu vị thành niên, thanh niên mang thai ngoài ý muốn trên địa bàn.

2.7. Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết:

a) Mục tiêu: Nâng cao nhận thức của người dân, đồng bào dân tộc thiểu số về chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, ý thức pháp luật chuyển đổi hành vi trong hôn nhân, nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết, góp phần nâng cao chất lượng dân số.

b) Các hoạt động:

- Địa bàn triển khai: Duy trì tại 3 xã: An Sinh, Bình Khê, Tràng Lương.

- Triển khai có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ của Đề án được UBND thị xã phê duyệt tại Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 01/3/2021 của UBND thị xã về thực hiện Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn thị xã Đông Triều giai đoạn 2021-2025 (giai đoạn II).

- Tọa đàm nâng cao nhận thức của nhân dân trên địa bàn về hệ lụy tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Truyền thông, vận động đồng bào dân tộc thiểu số sinh đủ 2 con, không kết hôn sớm, không sinh con trước 20 tuổi.

- Duy trì và mở rộng mô hình phòng ngừa tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống. Tổ chức các hoạt động sinh hoạt Câu lạc bộ “Phòng ngừa tảo hôn và hôn nhân cận huyết”.

- Tổ chức tư vấn, hướng dẫn tập trung với các nhóm đối tượng là thanh niên, vị thành niên, phụ huynh, học sinh, cha mẹ, nam nữ thanh niên trong độ tuổi vị thành niên; tổ chức tọa đàm giao lưu tìm hiểu pháp luật về hôn nhân và gia đình, về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; tuyên truyền nhóm nhỏ tại các thôn, khu phố về chăm sóc sức khỏe sinh sản và phòng ngừa tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống; tuyên truyền quảng bá mô hình; hỗ trợ các hoạt động sinh hoạt Câu lạc bộ “Phòng ngừa tảo hôn và hôn nhân cận huyết”.

- Tổng hợp quản lý danh sách đối tượng tảo hôn và sinh con, có con trước tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật hàng năm.

3. Truyền thông dân số:

- *Mục tiêu:* Truyền thông nâng cao nhận thức của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp; các ban, ngành, đoàn thể từ thị xã đến các xã, phường để huy động sự tham gia và cam kết thực hiện công tác dân số thông qua việc chỉ đạo, đầu tư nguồn lực, lồng ghép các vấn đề dân số trong chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Đổi mới, nâng cao chất lượng các hoạt động truyền thông về dân số; tiếp tục tuyên truyền chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về công tác dân số trong giai đoạn hiện nay nhằm tạo sự đồng thuận, ủng hộ tích cực của toàn xã hội.

- *Các hoạt động:* Thực hiện có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của cấp trên và Kế hoạch số 208/KH-UBND ngày 15/9/2020 của UBND thị xã về thực hiện Chương trình truyền thông dân số đến năm 2030 thị xã Đông Triều. Trong đó, tập trung vào các nội dung hoạt động sau:

3.1. Truyền thông nhân các sự kiện:

- *Tại thị xã:* (1) Tổ chức Hội nghị chuyên đề cấp huyện nhân Ngày gia đình Việt Nam 28/6 và hưởng ứng Ngày dân số thế giới 11/7 về nội dung dân số và phát triển; tổ chức mít tinh, cổ động xuống đường kỷ niệm Ngày dân số thế giới 11/7; hưởng ứng Tháng hành động quốc gia về dân số và Ngày dân số Việt Nam 26/12; tổ chức hội nghị gặp mặt tọa đàm kỷ niệm Ngày dân số Việt Nam 26/12; tổ chức hội nghị chuyên đề cấp huyện nhân Ngày tránh thai thế giới 26/9 và Ngày quốc tế trẻ em gái 11/10; (2) Hội thảo rà soát đưa mục tiêu, chỉ tiêu quy mô dân số, bằng điều chỉnh mức sinh, thu hút dân cư đặc biệt là lao động trẻ, lao động đã qua đào tạo, lao động có trình độ cao và gắn với nâng cao chất lượng dân số vào các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của địa phương trong các chính sách, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm.

- *Tại các xã, phường:* (1) Tổ chức hội nghị hưởng ứng kỷ niệm Ngày dân số thế giới 11/7; hội nghị gặp mặt tọa đàm kỷ niệm Ngày dân số Việt Nam 26/12; tổ chức tuyên truyền tập trung vào Ngày thành lập Hội người cao tuổi

Việt Nam 06/6, Ngày quốc tế người cao tuổi 01/10...; truyền thông nhóm nhỏ về các nội dung nâng cao chất lượng dân số. (2) Định kỳ hàng quý tổ chức các buổi nói chuyện, thảo luận, sinh hoạt chuyên đề, thi tìm hiểu, giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể thao, giải trí cho các thành viên, hội viên và nhân dân cư trú trên địa bàn xã, phường. (3) Huy động những chức sắc tôn giáo, các già làng, trưởng thôn, khu phố, người có uy tín trong cộng đồng, người nổi tiếng tích cực ủng hộ các hành vi có lợi về dân số và phát triển; lồng ghép nội dung truyền thông dân số và phát triển vào sinh hoạt của cộng đồng, sinh hoạt văn hóa dân gian...; đưa các tiêu chí về dân số và phát triển vào hương ước, quy ước của cộng đồng, vào tiêu chuẩn làng văn hóa, gia đình văn hóa.

3.2. Sản xuất nhân bản và cung cấp sản phẩm trang thiết bị truyền thông:

- Cung cấp các sản phẩm truyền thông: tiếp nhận và cung cấp tờ gấp, pa nô, áp phích... cấp cho các ban, ngành, đoàn thể thị xã và các xã, phường để tuyên truyền.

- Phối hợp sản xuất các sản phẩm truyền thông để tuyên truyền trên báo chí và mạng xã hội; tuyên truyền trên hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin của tỉnh và của thị xã.

- Cung cấp trang thiết bị truyền thông; các sản phẩm truyền thông có ứng dụng công nghệ; đẩy mạnh truyền thông thay đổi hành vi về dân số và phát triển thông qua nền tảng viễn thông, công nghệ thông tin, mạng xã hội...

3.3. Các hoạt động truyền thông tăng cường:

- Tổ chức nói chuyện chuyên đề cung cấp chính sách dân số, tư vấn các nội dung về chăm sóc sức khỏe sinh sản, các biện pháp kế hoạch hóa gia đình tập trung tại các thôn, khu phố.

- Thường xuyên đưa tin về thông tin dân số và phát triển; hàng tháng xây dựng và phát sóng các chương trình về dân số và phát triển; thường xuyên cập nhật các thông tin dân số và phát triển lên fanpage, youtube, trang web...

- Tăng cường truyền thông qua hệ thống mạng điện thoại di động, các mạng xã hội Zalo, Facebook, Youtube, Tiktok; gắn các banner truyền thông trên các trang web có nhiều người truy cập; tham gia các cuộc thi trên mạng do Tổng cục Dân số - KHHGĐ tổ chức.

4. Các nhiệm vụ khác:

4.1. Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số:

- Tiếp tục triển khai Chương trình củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030 theo Quyết định số 2259/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030; xây dựng kế hoạch thực hiện của địa phương theo hướng dẫn và Quyết định số 4157/QĐ-

BYT ngày 28/8/2021 về Kế hoạch thực hiện Chương trình củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030.

- Thực hiện tập huấn lại cho viên chức dân số về sử dụng phần mềm MIS theo chương trình của Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ tham gia quản trị Hệ thống tin quản lý chuyên ngành dân số. Trung tâm Y tế thị xã tổ chức lồng ghép phổ biến thông tin cho cán bộ cấp xã, cộng tác viên về các nội dung về công tác dân số.

- Rà soát, đề xuất xây dựng các quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan; bổ sung chế độ chính sách có liên quan.

- Tiếp tục duy trì, vận hành hệ thống và hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp và gián tiếp cho: Hệ thống tin quản lý chuyên ngành dân số - kế hoạch hóa gia đình (MIS) các cấp; hệ thống tin quản lý hậu cần các phương tiện tránh thai (LMIS); Bản đồ điện tử dân số (MPS).

- Duy trì chế độ ghi chép ban đầu và nâng cao chất lượng số liệu trong Hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành dân số - kế hoạch hóa gia đình theo quy định; báo cáo thống kê chuyên ngành dân số theo chỉ đạo của Bộ Y tế.

- Phối hợp với Chi cục Thống kê thị xã rà soát số liệu, chỉ tiêu về dân số và phát triển.

4.2. Xây dựng chính sách và kiểm tra, giám sát:

4.2.1. Chính sách khuyến khích:

- *Mục tiêu:* Đẩy mạnh các hoạt động thi đua, khen thưởng ở cơ sở nhằm kịp thời động viên những tập thể, cá nhân có thành tích nổi bật trong việc thực hiện công tác dân số, cũng như kịp thời triển khai các chế độ, chính sách cho các đối tượng được thụ hưởng trên địa bàn thị xã.

- *Hoạt động (Thực hiện theo nội dung quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ Y tế):* Khuyến khích các tập thể có thành tích xuất sắc; đưa chính sách dân số vào hương ước, quy ước của các thôn, khu phố và tổ chức thực hiện. Khuyến khích các cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác dân số; tổ chức các hoạt động thi đua, khen thưởng trong năm bao gồm: đề nghị Bộ Y tế, UBND tỉnh tặng Bằng khen, Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Sở Y tế tỉnh, UBND thị xã tặng Giấy khen cho các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, nổi bật trong việc triển khai thực hiện công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình năm 2024; phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể biểu dương các gia đình tiêu biểu thực hiện tốt chính sách dân số vào dịp 28/6 hàng năm.

4.2.2. Kiểm tra, giám sát công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình:

- *Mục tiêu:* Kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình triển khai công tác dân số nhằm phát huy kết quả đạt được, phát hiện những tồn tại, thiếu sót, vi phạm,

khó khăn, vướng mắc, kịp thời chấn chỉnh, tích cực, chủ động chỉ đạo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch.

- *Các hoạt động:* Giám sát về công tác truyền thông; giám sát việc thu thập thông tin, cập nhật số liệu dân số - kế hoạch hóa gia đình, rà soát, đối chiếu khớp số liệu dân cư năm 2024; kiểm tra, giám sát công tác dân số 6 tháng đầu năm 2024, kiểm tra toàn diện công tác dân số năm 2024.

4.3. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác dân số:

- *Mục tiêu:* Tiếp tục triển khai những nhiệm vụ trọng tâm của Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và Nghị quyết số 137/NQ-CP của Chính phủ về công tác dân số trong tình hình mới, nhấn mạnh tới việc tiếp tục chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển.

- *Các hoạt động:* Cập nhật kiến thức mới, tập huấn lại cho đội ngũ cộng tác viên để tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện sinh đủ 2 con, không lựa chọn giới tính thai nhi, không tảo hôn, kết hôn cận huyết thống, phát huy vai trò và chăm sóc người cao tuổi; lồng ghép nội dung dân số và phát triển vào các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng khác; tập huấn sử dụng hệ thống thông tin dữ liệu dân số - KHHGĐ cho cán bộ cấp xã.

4.4. Nâng cao năng lực nghiên cứu về dân số và phát triển:

- *Mục tiêu:* Nâng cao năng lực của đội ngũ nghiên cứu về dân số và phát triển. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ khoa học công nghệ về dân số và phát triển. Cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn phục vụ việc triển khai các giải pháp hướng tới mục tiêu đã đề ra trong Chiến lược dân số Việt Nam tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030, Chiến lược dân số Việt Nam thị xã Đông Triều giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030, góp phần phát triển đất nước nhanh và bền vững.

- *Các hoạt động:* Triển khai các hoạt động theo Quyết định số 314/QĐ-TTg ngày 28/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch nâng cao năng lực nghiên cứu về dân số và phát triển đến năm 2030, tập trung vào một số nội dung: (1). Nghiên cứu lý luận và thực tiễn để tham mưu trong việc hoạch định chính sách, biện pháp thực hiện các mục tiêu duy trì mức sinh thay thế, đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, thích ứng với già hóa dân số, đặc biệt là nâng cao chất lượng dân số. (2). Cập nhật tin tức, thông tin khoa học trên cổng thông tin thành phần của cơ quan. Ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ y - sinh học tiên tiến trong việc hỗ trợ sinh sản, tránh thai; tầm soát, chẩn đoán và điều trị sớm bệnh, tật trước sinh, sơ sinh; dự phòng, điều trị, phục hồi chức năng và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. (3). Triển khai thực hiện nghiên cứu và ứng dụng có hiệu quả nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở theo kế hoạch năm 2024.

III. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện các hoạt động công tác dân số năm 2024 được sử dụng từ các nguồn: Kinh phí do Sở Y tế, Chi cục Dân số - KHHGĐ tỉnh cấp và kinh phí địa phương hỗ trợ.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Y tế thị xã:

- Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Y tế thị xã, các ban, ngành, đoàn thể liên quan của thị xã và UBND các xã, phường tổ chức triển khai Kế hoạch này.

- Tham mưu cho UBND thị xã tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch công tác dân số năm 2024.

2. Trung tâm Y tế thị xã:

- Xây dựng Kế hoạch chi tiết, triển khai đồng bộ nhiệm vụ và các giải pháp để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu chỉ tiêu Kế hoạch này.

- Phối hợp với Chi cục Thống kê thị xã và các ban, ngành, đoàn thể kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu hàng năm hoặc theo chuyên đề để có thông tin đảm bảo chính xác, kịp thời, toàn diện về dân số.

- Hướng dẫn các xã, phường xây dựng Kế hoạch cụ thể, chi tiết phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng đơn vị.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát kế hoạch; báo cáo tiến độ triển khai, kết quả thực hiện; đánh giá mức độ hoàn thành theo mục tiêu đề ra, những thuận lợi, khó khăn trong quá trình triển khai hoạt động.

3. Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thị xã:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Phòng Y tế, Trung tâm Y tế thị xã xây dựng Kế hoạch, triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp Kế hoạch này.

- *Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã:* Chủ trì, phối hợp với Phòng Y tế, Trung tâm Y tế thị xã căn cứ khả năng ngân sách nhà nước, bố trí ngân sách bảo đảm thực hiện các chương trình, đề án, dự án có liên quan đến lĩnh vực dân số; hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng kinh phí.

- *Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã:* Tích hợp lồng ghép nội dung giảng dạy dân số và phát triển, giới và bình đẳng giới, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình, công tác giáo dục giới tính, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thị xã; nghiên cứu, triển khai các hoạt động giáo dục ngoài giờ, sinh hoạt ngoại khóa lồng ghép nội dung về dân số và phát triển cho học sinh các trường phổ thông trung học; mở rộng phương pháp trải nghiệm sáng tạo trong thi kiến thức, thi tìm hiểu về nội dung dân số và phát triển.

- *Phòng Văn hóa và Thông tin thị xã*: Chủ trì, phối hợp với Phòng Y tế và các ban, ngành, đoàn thể liên quan tham mưu và tổ chức các chương trình, đề án, dự án về lĩnh vực gia đình, văn hóa, thể thao, nâng cao thể lực tầm vóc người dân; phổ biến tuyên truyền “*Quy tắc ứng xử trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*”; Đẩy mạnh công tác giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình; Chương trình giáo dục đời sống gia đình; phòng, chống bạo lực gia đình với đề cao tính tiên phong, gương mẫu của mỗi cán bộ, Đảng viên và trách nhiệm của mỗi gia đình trong việc thực hiện chủ trương, chính sách dân số, nuôi dạy con tốt, kính già, yêu trẻ, xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; thực hiện Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030, lồng ghép công tác dân số trong tình hình mới với công tác gia đình. Hướng dẫn các xã, phường thực hiện đưa chính sách dân số vào hương ước, quy ước của các thôn, khu phố, của cộng đồng, dòng tộc và Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Quyết định số 641/QĐ-TTg, ngày 28/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030.

- *Trung tâm Truyền thông và Văn hóa thị xã*: Phối hợp với Trung tâm Y tế thị xã tăng cường công tác tuyên truyền về dân số và phát triển, các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân số; thường xuyên tuyên truyền trên hệ thống thông tin đại chúng về cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sinh đủ hai con và nuôi dạy con tốt để phấn đấu thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu Kế hoạch.

- *Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thị xã*: Chủ trì, phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể liên quan tổ chức triển khai Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, lồng ghép nội dung giáo dục về giới, giới tính, dân số/sức khỏe sinh sản vào chương trình đào tạo của các cơ sở dạy nghề; thực hiện các hoạt động, chính sách cải thiện phúc lợi cho người cao tuổi, các đối tượng yếu thế; phát huy lợi thế dân số vàng và thích ứng với già hóa dân số trên địa bàn thị xã.

- *Phòng Tư pháp thị xã*: Tăng cường công tác quản lý hộ tịch, đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn, phối hợp với Công an thị xã thực hiện 100% người dân trên địa bàn thị xã được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất trên toàn quốc; phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể liên quan tham gia tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về dân số, hôn nhân và gia đình cho các tầng lớp Nhân dân; chỉ đạo các xã, phường tăng cường tuyên truyền thanh niên, nam, nữ thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; không có con trước độ tuổi kết hôn theo quy định.

- *Chi cục Thống kê thị xã*: Phối hợp với Trung tâm Y tế thị xã xây dựng Kế hoạch kiểm tra, rà soát số liệu về dân số và phát triển tại các xã, phường; cung cấp, công bố, phổ biến thông tin thống kê số liệu, chỉ số, chỉ báo về lĩnh vực dân số và phát triển trên địa bàn thị xã.

4. UBND các xã, phường:

- Căn cứ Kế hoạch này và tình hình thực tế của địa phương xây dựng Kế hoạch thực hiện phù hợp; bố trí nguồn kinh phí đảm bảo nhu cầu Kế hoạch.
- Kiểm tra, giám sát tiến độ triển khai các hoạt động; tổ chức sơ kết, tổng kết và thực hiện báo cáo theo quy định.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thị xã:

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, triển khai thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về dân số và phát triển trong tổ chức mình; giám sát việc thực hiện pháp luật về dân số và phát triển; thực hiện tốt cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sinh đủ hai con và nuôi dạy con tốt.

Các cơ quan, đơn vị, ban, ngành, đoàn thể, UBND các xã, phường căn cứ Kế hoạch này xây dựng Kế hoạch triển khai tại đơn vị, địa phương. Báo cáo kết quả 6 tháng trước ngày 10/6/2024, báo cáo năm trước ngày 10/12/2024 gửi về UBND thị xã (qua Trung tâm Y tế thị xã) tổng hợp để báo cáo Sở Y tế tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Y tế tỉnh;
- Chi cục DS - KHHGĐ tỉnh;
- Thường trực Thị ủy;
- Thường trực HĐND thị xã;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Các Thành viên BCĐ Dân số và Phát triển thị xã (t/h);
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH thị xã (p/h);
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thị xã (t/h);
- UBND các xã, phường (t/h);
- Lưu: VT.

(Báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Khắc Dũng

PHỤ LỤC 1:
CHỈ TIÊU TỶ SUẤT SINH VÀ TỶ LỆ SINH CON
THỨ 3 TRỞ LÊN NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /4/2024 của UBND thị xã)

TT	Đơn vị	Tỷ suất sinh (‰)			Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên (%)		
		TH năm 2023	KH năm 2024	Mức tăng	TH năm 2023	KH năm 2024	Mức giảm
	TOÀN THỊ XÃ	11,47	13,72	2,250	7,43	5,79	1,64
1	Phường Đông Triều	9,13	12,03	2,900	10,00	6,50	3,50
2	Phường Mạo Khê	9,78	12,58	2,800	3,50	3,50	0,00
3	Xã Nguyễn Huệ	11,81	13,91	2,100	17,14	9,14	8,00
4	Xã Thuỷ An	10,56	13,16	2,600	4,26	4,26	0,00
5	Xã Bình Dương	13,08	14,78	1,700	11,30	6,80	4,50
6	Xã Việt Dân	10,16	12,86	2,700	6,67	6,67	0,00
7	Phường Hồng Phong	11,57	13,77	2,200	5,26	5,26	0,00
8	Phường Đức Chính	11,66	13,86	2,200	4,21	4,21	0,00
9	Phường Tràng An	11,46	13,76	2,300	6,94	6,94	0,00
10	Xã Tân Việt	15,37	15,97	0,600	7,27	7,27	0,00
11	Phường Hưng Đạo	12,04	14,04	2,000	5,66	5,66	0,00
12	Phường Xuân Sơn	12,34	14,24	1,900	11,63	6,63	5,00
13	Phường Kim Sơn	10,84	13,34	2,500	5,77	5,77	0,00
14	Phường Yên Thọ	10,96	13,46	2,500	8,33	7,13	1,20
15	Xã Yên Đức	11,73	13,83	2,100	12,31	6,31	6,00
16	Phường Hoàng Quế	10,99	13,49	2,500	9,47	6,97	2,50
17	Xã Hồng Thái Tây	13,03	14,73	1,700	12,22	6,72	5,50
18	Xã Hồng Thái Đông	13,36	14,96	1,600	5,83	5,83	0,00
19	Xã An Sinh	13,56	15,16	1,600	9,09	7,09	2,00
20	Xã Bình Khê	11,48	13,78	2,300	8,59	7,29	1,30
21	Xã Tràng Lương	18,30	18,60	0,300	5,45	5,45	0,00

PHỤ LỤC 2:

CHỈ TIÊU DÂN SỐ - KHHGD NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /4/2024 của UBND thị xã)

STT	Đơn vị	Dịch vụ KHHGD						Tỷ lệ sàng lọc trước sinh (%)	Tỷ lệ PN mang thai được ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất (%)	Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh (%)	Tỷ lệ trẻ em được tầm soát ít nhất 5 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất (%)	Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ (%)	Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn/số kết hôn mỗi trong năm (%)
		Tổng số	Dụng cụ tử cung	Bao cao su	Thuốc uống tránh thai	Thuốc tiêm tránh thai	Thuốc cấy tránh thai						
	TOÀN THỊ XÃ	13.020	500	7.615	4.800	100	5	99	80	93	92	95	92
1	Phường Đông Triều	356	16	217	120	3		99	80	93	92	95	92
2	Phường Mạo Khê	2.912	76	1.479	1.336	20	1	99	80	93	92	95	92
3	Xã Nguyễn Huệ	361	23	220	114	4		99	80	93	92	95	92
4	Xã Thủy An	328	16	204	105	3		99	80	93	92	95	92
5	Xã Bình Dương	480	23	262	190	4	1	99	80	93	92	95	92
6	Xã Việt Dân	398	16	241	138	3		99	80	93	92	95	92
7	Phường Hồng Phong	538	23	360	149	6		99	80	93	92	95	92
8	Phường Đức Chính	562	23	310	224	5		99	80	93	92	95	92
9	Phường Tràng An	450	19	286	142	3		99	80	93	92	95	92
10	Xã Tân Việt	348	16	217	113	2		99	80	93	92	95	92
11	Phường Hưng Đạo	597	23	320	248	6		99	80	93	92	95	92
12	Phường Xuân Sơn	540	19	299	218	4		99	80	93	92	95	92
13	Phường Kim Sơn	502	22	290	185	5		99	80	93	92	95	92
14	Phường Yên Thọ	1.083	31	689	356	7		99	80	93	92	95	92
15	Xã Yên Đức	401	19	237	142	3		99	80	93	92	95	92
16	Phường Hoàng Quế	495	23	297	172	3		99	80	93	92	95	92
17	Xã Hồng Thái Tây	497	19	294	180	3	1	99	80	93	92	95	92
18	Xã Hồng Thái Đông	523	23	290	206	3	1	99	80	93	92	95	92
19	Xã An Sinh	449	23	287	135	4		99	80	93	92	95	92
20	Xã Bình Khê	912	31	659	214	7	1	99	80	93	92	95	92
21	Xã Tràng Lương	288	16	157	113	2		99	80	93	92	95	92

ĐVT: Người